

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 588/2025/HS-PT
Ngày 24 tháng 11 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đ - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 266/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2025 đối với các bị cáo Nguyễn Xuân T, Bùi Quốc A do có kháng cáo của bị cáo T và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 484/2025/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Xuân T; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh năm 2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Số D H, Tổ C, Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở hiện tại: Nhà không số, Tổ B, Ấp D, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; cha tên là Nguyễn Vương T1, mẹ tên là Tạ Thị Phương Đ1; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 26/12/2023; có mặt.

2. Bùi Quốc A, sinh ngày 24/10/2007 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; nơi thường trú: Số D H, Tổ C, Khu phố C,

phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở hiện tại: Nhà không số, Tổ B, Ấp D, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ tên cha là Bùi Hoàng X, sinh năm 1959 và mẹ là Tạ Thị Mỹ D (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 26/12/2023; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Quốc A: Ông Bùi Hoàng X, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Số C ấp T, phường A, tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ cũ là 397D1 ấp T, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre); có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Hoàng X: Bà Tạ Thị Phương Đ1, sinh năm 1981; nơi thường trú: Số D H, Tổ C, Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở hiện tại: Nhà không số, Tổ B, Ấp D, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân T:* Ông Vũ Phi L và bà Phạm Thị Việt H, là Luật sư của Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; cùng có mặt.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Bùi Quốc A:* Ông Huỳnh Anh T2, là Luật sư của Công ty L2 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Võ Tân Đ2 nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan tới kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 13 giờ 15 phút ngày 26/12/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện H kiểm tra hành chính chỗ ở của Nguyễn Xuân T và Bùi Quốc A tại nhà không số, Tổ B, Ấp D, xã Đ, huyện H. Tại đây, T và A giao nộp các chất ma túy gồm: 3.940 gam Ketamine và 4.020 gam Methamphetamine, nên Cơ quan công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, A và thu giữ vật chứng. Cùng ngày 26/12/2023, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Xuân T và Bùi Quốc A tại nhà không số, Tổ B, Ấp D, xã Đ, huyện H, thu giữ các chất ma túy gồm 5.940 gam Ketamine và 6.000 gam Methamphetamine.

Nguyễn Xuân T và Bùi Quốc A khai các chất ma túy thu giữ là của Võ Tân Đ2 đưa cho T và A cất giấu để bán. Ngày 27/12/2023, khám xét khẩn cấp nơi ở của Đ2 tại Tổ E, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nhưng không phát hiện có đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội. Đ2 khai nhận thực hiện hành vi vận chuyển các chất ma túy đã thu giữ đưa cho T và A. Ngày

31/12/2023, cơ quan chức năng lập biên bản bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đ2 để điều tra.

Kết quả điều tra đã xác định: Nguyễn Xuân T và Bùi Quốc A có mối quan hệ bà con. Tháng 11/2023, người tên A1 (không rõ lai lịch) sử dụng tài khoản Telegram tên “Quyền Riêng Tư” và nhiều số điện thoại khác nhau liên lạc thuê T nhận, cất giấu và đi giao ma túy cho người mua theo yêu cầu của A. T đồng ý vì được trả tiền công và rủ Bùi Quốc A cùng thực hiện. Từ đầu tháng 11/2023 đến ngày 26/12/2023, T và A đã 02 lần nhận ma túy, sau đó giao cho người mua theo yêu cầu của A, cụ thể là:

Lần thứ nhất: Ngày 30/11/2023, Anh cho người giao 05 gói ma túy (loại ma túy đá và K, không xác định được khối lượng) cho T tại gần khu vực cầu B, xã Đ, huyện H. Sau đó, T và A cất giấu ma túy tại chỗ ở (nhà không số, Tổ B, Ấp D, xã Đ, huyện H). Đến ngày 19/12/2023, Anh gọi điện thoại nói T giao 02 gói ma túy cho người mua (không rõ lai lịch) tại khu vực gần Khu công nghiệp Q, nên T đưa ma túy cho A đi giao cho người mua theo yêu cầu của A. Cùng ngày, A1 gọi điện thoại nói T giao 03 gói ma túy còn lại cho người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực gần Cửa hàng B trên đường T, xã Đ, huyện H, nên T đưa ma túy cho A đi giao cho người mua theo yêu cầu của A. Sau đó, A1 cho người đàn ông (không rõ lai lịch) đến trả 15.000.000 đồng tiền công cho T và A.

Lần thứ hai: Để đảm bảo an toàn, không bị phát hiện, Anh thống nhất với T phải có ám hiệu nhận diện với người giao ma túy của Anh trước khi nhận ma túy, bằng cách T đưa tờ 2.000 đồng số seri 9202627 cho người giao ma túy của Anh xem, trước khi nhận ma túy, để xác nhận.

Ngày 25/12/2023, Võ Tân Đ2 được người đàn ông tên A2 (không rõ lai lịch, Đ2 quen vào năm 2021 tại Campuchia, kết bạn trên tài khoản Facebook) dùng tài khoản M gọi điện thuê Đ2 nhận 01 bao xác rắn đựng ma túy (gồm 9.880 gam Ketamine và 10.020 gam Methamphetamine) từ người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực Cửa khẩu T3, tỉnh An Giang, điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RSX biển số 67K-526.21 vận chuyển đến khu vực đường T thuộc Ấp D, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, giao cho T, giá 2.000.000 đồng. Đ2 đồng ý nên Achu gửi số điện thoại của T để Đ2 liên lạc và gửi ảnh tờ 2.000 đồng số seri 9202627 cho Đ2 biết để nhận diện trước khi giao ma túy cho T.

Lúc 11 giờ ngày 26/12/2023, Anh gọi điện thoại báo cho T biết là sẽ có người giao ma túy cho T. Ngay sau đó, Võ Tân Đ2 sử dụng số điện thoại 0858885667 gọi vào số điện thoại 0988148795 của T, hẹn T đến khu vực đường TX52 thuộc Ấp D, xã Đ, huyện H để nhận ma túy nên A điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59C4-027.10 chở T đến khu vực đường T thuộc Ấp D, xã Đ, huyện H gặp Đ2. Tại đây, A đưa tờ 2.000 đồng số seri 9202627 cho Đ2 xem, Đ2 lấy ảnh tờ 2.000 đồng số seri 9202627 lưu trong điện thoại để đối chiếu, xác nhận đúng ám hiệu nhận diện, nên Đ2 để bao xác rắn đựng ma túy (gồm 9.880 gam Ketamine và 10.020 gam Methamphetamine) lên бага xe mô tô

của T và A, rồi đặt 01 bó rau lên trên để ngụy trang. Sau đó, A điều khiển xe mô tô chở T đưa ma túy về chỗ ở (nhà không số, Tổ B, Ấp D, xã Đ, huyện H) chia ra làm 20 gói, cất giấu, chờ giao cho người mua theo yêu cầu của A. Đến 13 giờ 15 phút cùng ngày 26/12/2023, T và A bị phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng như trên.

Theo Kết luận giám định số 560/KL-KTHS ngày 04/01/2023 của Phòng K1, Công an Thành phố H: “...Gói 1: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m_1 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 3,94kg (ba phẩy chín bốn kilôgam), loại Ketamine; Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m_2 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 4,02kg (bốn phẩy không hai kilôgam), loại Methamphetamine. Gói 02: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m_3 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 4,94kg (bốn phẩy chín bốn kilôgam), loại Ketamine. Gói 03: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m_4 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,00kg (một phẩy không không kilôgam), loại Ketamine; Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m_5 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 6,00kg (sáu phẩy không không kilôgam), loại Methamphetamine...”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 484/2025/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T: Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Xuân T: 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2. Xử phạt bị cáo Bùi Quốc A: 14 (mười bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Võ Tân Đ2, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, ông Bùi Hoàng X là người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Quốc A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Xuân T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Quốc A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Xuân T và Bùi Quốc A đã thực hiện hành vi mua bán trái phép số lượng 9.880 gam Ketamine và 10.020 gam Methamphetamine cùng với số lượng mua bán thực hiện vào ngày 31/11/2023 và ngày 19/12/2023. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T: Tử hình và bị cáo A: 14 năm tù cùng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị cáo A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân T trình bày quan điểm:

Thông nhất với tội danh mua bán trái phép chất ma túy mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo T. Tuy nhiên, cần xem xét ở lần phạm tội thứ hai, bị cáo chưa thực hiện hành vi mua bán và tự khai nhận về hành vi phạm tội của mình, nên có thể loại bỏ tình tiết tăng nặng phạm tội từ hai lần trở lên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội lần đầu, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, và mặc dù hành vi phạm tội tiếp tục xảy ra cho đến khi bị cáo đủ 18 tuổi nhưng cũng nên xem xét thêm về yếu tố nhân đạo cho bị cáo. Bên cạnh đó, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không được giáo dục đầy đủ dẫn đến nhận thức pháp luật hạn chế. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định và chính sách nhân đạo của pháp luật để có thể xử phạt bị cáo mức án tù Chung thân cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Xuân T trình bày: Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư và không có ý kiến bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Quốc A trình bày quan điểm: Bị cáo A không có mục đích mua bán trái phép chất ma túy; ở lần nhận ma túy ngày 26/12/2023 bản thân bị cáo không biết bên trong có chứa chất ma túy; số ma túy này đã kịp thời thu giữ, tiêu hủy nên chưa gây ra hậu quả xấu cho xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 51; không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52; áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo A.

Bị cáo Bùi Quốc A trình bày: Bị cáo thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Quốc A trình bày: Tuổi đời của bị cáo A còn trẻ, nhận thức pháp luật bị hạn chế. Kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo để sớm về với gia đình, xã hội.

Bị cáo Nguyễn Xuân T nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của mình, bị cáo không nghĩ rằng hành vi phạm tội của bị cáo lại bị xử phạt nặng như vậy. Kính xin Tòa án cho bị cáo cơ hội sống để bị cáo làm lại cuộc đời, được gặp cha mẹ và người thân.

Bị cáo Bùi Quốc A nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo T về về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T và đơn kháng cáo của ông Bùi Hoàng X làm trong thời hạn luật định, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã được Cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; lời khai của bị cáo và kết quả được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1] Từ đầu tháng 11/2023 đến ngày 26/12/2023, bị cáo Nguyễn Xuân T và Bùi Quốc A đã 02 lần nhận ma túy, sau đó giao cho người mua theo yêu cầu của đối tượng tên A1 (không rõ lai lịch). Ngày 25/12/2023, bị cáo Võ Tân Đ2 được người đàn ông tên A2 (không rõ lai lịch) dùng tài khoản M gọi điện thuê Đ2 nhận 01 bao xác rắn đựng ma túy (gồm 9.880 gam Ketamine và 10.020 gam Methamphetamine) từ người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực Cửa khẩu T, tỉnh An Giang vận chuyển đến khu vực đường T thuộc Ấp D, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho bị cáo T với giá 2.000.000 đồng. Đối tượng A2 gửi số điện thoại của T để Đ2 liên lạc và gửi ảnh tờ 2.000 đồng số sêri 9202627 cho Đ2 biết để nhận ám hiệu trước khi giao ma túy cho bị cáo T.

Lúc 11 giờ ngày 26/12/2023, đối tượng tên Anh gọi điện thoại báo cho T biết là sẽ có người giao ma túy cho T. Ngay sau đó, Võ Tân Đ2 sử dụng số điện thoại 0858885667 gọi vào số điện thoại 0988148795 của T, hẹn T đến khu vực đường TX52 thuộc Ấp D, xã Đ, huyện H để nhận ma túy. Bị cáo A điều khiển xe máy chở T tới địa điểm đã hẹn. Tại đây, bị cáo A đưa tờ 2.000 đồng số sêri 9202627 cho Đ2 xem; còn bị cáo Đ2 lấy ảnh tờ 2.000 đồng số sêri 9202627 lưu trong điện thoại để đối chiếu. Sau khi xác nhận đúng ám hiệu, bị cáo Đ2 để bao xác rắn đựng ma túy (gồm 9.880 gam Ketamine và 10.020 gam Methamphetamine) lên бага xe mô tô của T và A, rồi đặt 01 bó rau lên trên để ngụy trang. Sau đó, A điều khiển xe mô tô chở T đưa ma túy về chỗ ở tại nhà không số, Tổ B, Ấp D, xã Đ, huyện H, phân chia ra làm 20 gói cất giấu, chờ giao cho người mua theo yêu cầu của đối tượng A. Đến 13 giờ 15 phút cùng ngày 26/12/2023, T và A bị phát hiện bắt quả tang, cùng vật chứng như trên.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Xuân T và Bùi Quốc A đã thực hiện hành vi mua bán trái phép số lượng 9.880 gam Ketamine và 10.020 gam Methamphetamine

cùng với số lượng mua bán thực hiện vào ngày 31/11/2023 và ngày 19/12/2023. Do đó, bị cáo T và A đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Xuân T và Bùi Quốc A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn, xâm phạm tới chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và các tội phạm khác trong xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội.

[3.3] Bị cáo Nguyễn Xuân T: Là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy đối với con người và những ảnh hưởng tiêu cực của ma túy gây ra cho xã hội nhưng vì động cơ vụ lợi, đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội với quy mô và khối lượng ma túy đặc biệt lớn nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhất mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3.4] Đối với bị cáo Bùi Quốc A: Giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A mới chỉ 16 tuổi 02 tháng 02 ngày nên được áp dụng Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các điều 119, 179 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên để xem xét khi quyết định hình phạt.

[3.5] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo T, A đều khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị cáo Trang bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, o khoản 1 Điều 52; bị cáo A bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3.6] Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T tử hình, bị cáo Bùi Quốc A 14 năm tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra cho xã hội; đảm bảo được công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm ma túy đang có chiều hướng gia tăng hiện nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị cáo A đều không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên không có cơ sở để xem xét, chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận quan điểm bào chữa của các Luật sư.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo T và ông Bùi Hoàng X phải chịu, nhưng do ông X là người cao tuổi nên được miễn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 484/2025/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T và kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Quốc A; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 484/2025/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tuyên xử:

1. Áp dụng: Điểm h khoản 5 Điều 251, điểm g, o khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T: Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 26 tháng 12 năm 2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Xuân T để đảm bảo việc thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T có quyền gửi đơn xin ân giảm tới Chủ tịch N để xem xét.

2. Áp dụng: Điểm h khoản 5 Điều 251, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các điều 119, 179 Luật Tư pháp Người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc A: 14 (mười bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26 tháng 12 năm 2023. Tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Quốc A trong thời hạn 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng. Ông Bùi Hoàng X được miễn.

- Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 484/2025/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Vụ Pháp chế và Quản lý Khoa học;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án Dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Bị cáo bị tạm giam;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, VP, NTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Mạnh Cường